TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 02/2020/HNGĐ-GĐT
Ngày 17-4-2020
V/v: "tranh chấp tài sản sau khi ly hôn."

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm;

Ông Phạm Việt Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhật - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp "*chia tài sản sau khi ly hôn*" giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thái N, sinh năm 1975; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 8, đường N, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Bị đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm 1971; trú tại: Số nhà 8, đường N, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Hoàng Thái N và ông Phan Văn H kết hôn hợp pháp. Do mẫu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên bà N có đơn ly hôn.

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 365/2014/QĐST-HNGĐ ngày 22/10/2014, Tòa án nhân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hoàng Thái N và ông Phan Văn H.

Năm 2017, bà N có đơn khởi kiện tranh chấp tài sản chung sau ly hôn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H (sau đó chuyển lên Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế) phân chia tài sản gồm: thửa đất số 25, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại số nhà 07, P, phường P, thành phố H, TT Huế; Thửa đất số L44, tờ bản đồ số khu QH, tọa lạc tại

phường X, thành phố H, TT Huế; Thửa đất số 45, tờ bản đồ 36, tọa lạc khu quy hoạch K, X, thành phố H, TT Huế; Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại số 10, N, X, thành phố H, TT Huế; Thửa đất số 488, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại Lô C3, khu đô thị mới A, A, thành phố H, TT Huế; Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 758, tọa lạc tại Lô B10, khu phức hợp đô thị S, phường T, quận S, Đà Nẵng; Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 82, tọa lạc tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 19/5/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế lập "*Biên bản hòa giải thành*" về việc bà N, ông H thống nhất phân chia tài sản.

Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 15/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã công nhận:

"1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thái N, sinh năm 1975; địa chỉ: số nhà 08, N, phường X, thành phố H.

- Bị đơn: Ông Phan Văn H,sinh năm 1971; địa chỉ: số nhà 08, N, phường X, thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về phân chia tài sản chung của vợ chồng:

A. Giao cho bà Hoàng Thái N quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt căn nhà và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại số nhà 07, P, phường P, thành phố H (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CH 00173-2011; 04-163 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 01/6/2011) trị giá 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng).

Số tài sản nhà và quyền sử dụng đất của vợ chồng còn lại giao cho ông Phan Văn H quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt gồm 06 lô đất sau:

- Thửa đất số L44, tại khu quy hoạch X, thành phố H (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 45/02QSDĐ-02/032 do UBND thành phố H cấp ngày 10/8/1996, trị giá 1.500.000.000 đồng.

- Thửa đất số 45, tờ bản đồ 36, khu quy hoạch K, phường X, thành phố H (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00216/QSDĐ/487-2004; 02-112 do UBND thành phố H cấp ngày 25/02/2004), trị giá 1.500.000.000 đồng.

- Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 36, tại số 10, N, phường X, thành phố H (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00680-2007; 02-125 do UBND thành phố H cấp ngày 25/6/2007), trị giá 1.300.000.000 đồng.

- Thửa đất số 488, tờ bản đồ số 23, tại Lô C3, khu đô thị mới A, phường A, thành phố H (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH/00912-2013/09-086 do UBND thành phố H cấp ngày 23/7/2013), trị giá 1.200.000.000 đồng.

- Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 758, tại Lô B10, khu phức hợp đô thị S, phường

T, quận S, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số C T01684 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/11/2010), trị giá 1.500.000.000 đồng.

- Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 82, tại Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 02307 do UBND quận G, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/6/2012), trị giá 1.500.000.000 đồng.

B. Ông Phan Văn H phải có trách nhiệm lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 25, tờ bản đồ số 12, tại số 07, P, phường P, thành phố H đang thế chấp tại Ngân hàng X để giao cho bà N. Số nợ tại Ngân hàng X, ông Phan Văn H có trách nhiệm trả toàn bộ.

Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 19/5/2017, hai bên phải bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất nói trên cho nhau. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày 19/5/2017, ông Phan Văn H phải bàn giao mặt bằng của thửa đất số 25, tờ bản đồ số 12, tại số 07, P, phường P, thành phố H.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Hoàng Thái N chịu 50% án phí chia tài sản là 59.000.000đ. Bà N đã nộp 65.764.000đ theo biên lai thu tiền số 008949 ngày 16/11/2015, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H nay được nhận lại 6.764.000đ. Ông Phan Văn H chịu 50% án phí chia tài sản được là 58.250.000đ, ông H đã nộp số tiền 56.867.500 đồng, theo Biên lai số 001136 ngày 03/8/2016, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H nay phải nộp thêm 1.382.500đ".

Tại Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 2974/2017/QĐ-SCBS ngày 26/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã bổ sung với nội dung:

"Sửa chữa, bổ sung Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 15/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, như sau:

Tại dòng thứ 10, 11 trang 1 từ dưới lên, trang 1 của Quyết định đã ghi:

"Số tài sản nhà và quyền sử dụng đất của vợ chồng còn lại giao cho ông Phan Văn H quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt gồm 06 lô đất sau".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

"Số tài sản nhà và quyền sử dụng đất của vợ chồng còn lại giao cho ông Phan Văn H quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt gồm 06 lô đất và tài sản gắn liền trên đất sau:".

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/2018/KN-HNGĐ ngày 19/10/2018, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 2974/QĐ-SCBS ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nêu trên.

Ngày 10/10/2019, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã ban hành Quyết định bổ sung kháng nghị số 04/2019/KN-HNGĐ với nội dung thay thế Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/2018/KN-HNGĐ ngày 19/10/2018 và đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 15/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2017 và Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 2974/2017/QĐ-SCBS ngày 26/9/2017 đều của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Uỷ ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 04/2019/KN-HNGĐ ngày 10/10/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Đơn khởi kiện về việc tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn đề ngày 31/10/2015, bà Hoàng Thái N đề nghị "*Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xem xét, giải quyết và buộc người bị kiện phải chia tài sản chung cho tôi. Tổng số tài sản chung của chúng tôi ước tính giá trị 18.500.000.000 đồng. Theo đó, tôi được hưởng là 70% tổng giá trị tài sản, tương đương 12.950.000.000 đồng (mười hai tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng)*".Tại Đơn bổ sung về việc ước tính giá trị tài sản đề ngày 05/11/2015, bà Hoàng Thái N ước tính giá trị tài sản cụ thể để phân chia như sau:

"*1. Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại số nhà 07, P, phường P, thành phố H, TT Huế trị giá :10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng).*

2. Thửa đất số L44, tờ bản đồ số khu QH, tọa lạc tại phường X, thành phố H, TT Huế trị giá: 1.500.000.000 đồng.

3. Thửa đất số 45, tờ bản đồ 36, tọa lạc khu quy hoạch K, X, thành phố H, TT Huế trị giá: 1.500.000.000 đồng.

4. Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại số 10, N, X, thành phố H, TT Huế trị giá: 1.300.000.000 đồng.

5. Thửa đất số 488, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại Lô C3, khu đô thị mới A, A, thành phố H, TT Huế trị giá: 1.200.000.000 đồng.

6. Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 758, tọa lạc tại Lô B10, khu phức hợp đô thị S, phường T, quận S, Đà Nẵng trị giá: 1.500.000.000 đồng.

7. Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 82, tọa lạc tại Thành phố Hồ Chí Minh trị giá 1.500.000.000 đồng".

Như vậy, bà Hoàng Thái N chỉ đề nghị Tòa án phân chia giá trị quyền sử dụng đất mà không đề nghị giải quyết tài sản trên đất, nhưng tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 15/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2017 và Quyết

định sửa chữa, bổ sung quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 2974/2017/QĐ-SCBS ngày 26/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế lại giao cho bà Hoàng Thái N quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt căn nhà trên thửa đất số 25, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại số 07 P, phường P, thành phố H cũng như giao cho ông Phan Văn H định đoạt tài sản gắn liền trên 06 lô đất là vượt quá yêu cầu khởi kiện của bà N.

[2] Tại Đơn bổ sung về việc ước tính giá trị tài sản đề ngày 05/11/2015, bản thân bà N đã tự tính giá trị thửa đất số 25, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại số 07 P là 10 tỷ đồng. Tuy nhiên "*Biên bản hòa giải*" ngày 19/5/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có giải quyết thêm giá trị căn nhà tọa lạc trên thửa đất trên cho bà Hoàng Thái N, nhưng phần án phí thì Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tính giá trị quyền sử dụng đất 10 tỷ đồng mà không có phần giá trị căn nhà trên đất là không đúng quy định pháp luật.

[3] Những Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà N cung cấp cho Tòa án như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 02307 do Ủy ban nhân dân quận G, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/6/2012; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 00173-2011; 04-163 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 01/6/2011; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH/00912-2013/09-086 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 23/7/2013; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00680-2007; 02-125 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 25/6/2007 đều thể hiện có tài sản là căn nhà trên đất. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 15/2017/QĐST-HNGĐ, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế công nhận "***Số tài sản*** *và quyền sử dụng đất của vợ chồng còn lại giao cho ông Phan Văn H quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt gồm 06 lô đất sau*". Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế không yêu cầu bà N thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc phân chia tài sản trên đất mà chỉ xem xét việc phân chia đất thì không thể thi hành án được là ghi không rõ ràng, cụ thể dẫn đến sự hiểu lầm, khó khăn cho công tác thi hành án dân sự.

[4] Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 2974/2017/QĐ-SCBS ngày 26/9/2017, với nội dung "*Số tài sản nhà và quyền sử dụng đất của vợ chồng còn lại giao cho ông Phan Văn H quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt gồm 06 lô đất và tài sản gắn liền trên đất sau"* là không đúng quy định pháp luật quy định tại Điều 486 Bộ luật dân sự năm 2015, không đúng với nội dung tại "*Biên bản hòa giải*" và "*Biên bản hòa giải thành*" ngày 19/5/2017, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà Hoàng Thái N.

[5] Từ những nhận định trên thấy Quyết định bổ sung kháng nghị số 04/2019/KN-HNGĐ ngày 10/10/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số

15/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2017 và Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 2974/2017/QĐ-SCBS ngày 26/9/2017 đều của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Đối với Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 295/2018/QĐ-SCDBS ngày 26/1/2018 do Quyết định số 15/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2017 đã bị hủy nên cần hủy cả quyết định này; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343; Điều 345 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định bổ sung kháng nghị số 04/2019/KN-HNGĐ ngày 10/10/2019 của Chánh ánTòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 15/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2017 và Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 2974/2017/QĐ-SCBS ngày 26/9/2017, Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 295/2018/QĐ-SCBS ngày 26/1/2018 đều của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:
- TANDTC (Vụ 3) ;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu các phòng: HCTP, GĐKT I; Hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Minh Tuấn